

**ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
KHÓA 52 - ĐẠI HỌC, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY NĂM 2026 CỦA
ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HỒ CHÍ MINH**

(Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: KSA và KSV)

I. Phương thức 1: Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT

- Thí sinh trúng tuyển khi thỏa đầy đủ các điều kiện sau:
- + Có kết quả xét tuyển là: “Đủ điều kiện trúng tuyển”.
- + Tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.
- + Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia cần đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo (UEH công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ngày 09/7/2026).
- + Thí sinh được UEH thông báo “Đủ điều kiện trúng tuyển” thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT từ ngày 02/7/2026 đến 17g00 ngày 14/7/2026.

I. Phương thức 2: Phương thức xét tuyển tích hợp.

1. KSA:

STT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển
1	7220201	7220201: Tiếng Anh thương mại	150	D01, D09, D14	83.40
2	7310101	7310101: Kinh tế	110	A00, A01, D01, D07, D09	85.20
3	731010201	7310102_1: Kinh tế chính trị	40	A00, A01, D01, D07, D09	77.50
4	731010202	7310102_2: Kinh tế chính trị quốc tế	40	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
5	731010401	7310104_1: Kinh tế đầu tư	200	A00, A01, D01, D07, D09	80.50
6	731010402	7310104_2: Thẩm định giá và Quản trị tài sản	100	A00, A01, D01, D07, D09	76.10

7	7310107	7310107: Thống kê kinh doanh	50	A00, A01, D01, D07, D09	83.00
8	731010801	7310108_1: Toán tài chính	50	A00, A01, D01, D07, D09	82.20
9	731010802	7310108_2: Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	50	A00, A01, D01, D07, D09	79.50
10	732010601	7320106_1: Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	60	A00, A01, D01, D07, D09, V00	90.20
11	73201061D	73201061D: Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện song bằng UEH - Đại học Saint Joseph, Macao	40	A00, A01, D01, D07, D09, V00	70.00
12	734010101	7340101_1: Quản trị kinh doanh	750	A00, A01, D01, D07, D09	79.40
13	73401011F	73401011F: Quản trị - Tiếng Anh toàn phần	100	A00, A01, D01, D07, D09	71.00
14	734010102	7340101_2: Kinh doanh số	70	A00, A01, D01, D07, D09	87.00
15	734010103	7340101_3: Quản trị bệnh viện	100	A00, A01, D01, D07, D09	71.90
16	734010104	7340101_4: Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	50	A00, A01, D01, D07, D09	80.70
17	73401014D	73401014D: Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường song bằng UEH - Koblenz University of Applied Sciences (Hochschule	30	A00, A01, D01, D07, D09	70.00

		Koblenz), Đức			
18	73401150 1	7340115_1: Marketing	100	A00, A01, D01, D07, D09	90.20
19	73401151 F	73401151F: Marketing - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, D09	86.30
20	73401150 2	7340115_2: Công nghệ Marketing	70	A00, A01, D01, D07, D09	90.20
21	7340116	7340116: Bất động sản	110	A00, A01, D01, D07, D09	72.50
22	73401200 1	7340120_1: Kinh doanh quốc tế	320	A00, A01, D01, D07, D09	92.50
23	73401201 F	73401201F: Kinh doanh quốc tế - Tiếng Anh toàn phần	250	A00, A01, D01, D07, D09	89.30
24	73401210 1	7340121_1: Kinh doanh thương mại	170	A00, A01, D01, D07, D09	88.50
25	73401211 F	73401211F: Kinh doanh thương mại - Tiếng Anh toàn phần	40	A00, A01, D01, D07, D09	86.00
26	7340122	7340122: Thương mại điện tử	140	A00, A01, D01, D07, D09	89.20
27	73402010 1	7340201_1: Tài chính công	50	A00, A01, D01, D07, D09	79.00
28	73402010 2	7340201_2: Thuế	100	A00, A01, D01, D07, D09	78.70
29	73402010 3	7340201_3: Ngân hàng	220	A00, A01, D01, D07, D09	80.80
30	73402013 F	73402013F: Ngân hàng - Tiếng Anh toàn phần	30	A00, A01, D01, D07, D09	70.00

31	73402010 4	7340201_4: Thị trường chứng khoán	100	A00, A01, D01, D07, D09	77.00
32	73402010 5	7340201_5: Tài chính	380	A00, A01, D01, D07, D09	85.20
33	73402015 F	73402015F: Tài chính - Tiếng Anh toàn phần	90	A00, A01, D01, D07, D09	82.20
34	73402010 6	7340201_6: Đầu tư tài chính	40	A00, A01, D01, D07, D09	83.80
35	73402016 F	73402016F: Đầu tư tài chính - Tiếng Anh toàn phần	30	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
36	73402010 7	7340201_7: Quản trị Hải quan - Ngoại thương	100	A00, A01, D01, D07, D09	86.50
37	73402010 D	7340201D: Chương trình đào tạo nguồn nhân lực quốc tế cử nhân Tài chính - Ngân hàng song bằng UEH - Đại học Rennes, Pháp	40	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
38	7340204	7340204: Bảo hiểm	50	A00, A01, D01, D07, D09	75.30
39	7340205	7340205: Công nghệ tài chính	70	A00, A01, D01, D07, D09	88.70
40	73402060 1	7340206_1: Tài chính quốc tế	40	A00, A01, D01, D07, D09	92.50
41	73402061 F	73402061F: Tài chính quốc tế - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, D09	88.30
42	73403010 1	7340301_1: Kế toán doanh nghiệp	510	A00, A01, D01, D07, D09	79.10
43	73403011 F	73403011F: Kế toán doanh nghiệp - Tiếng Anh toàn	80	A00, A01, D01, D07, D09	70.00

		phần			
44	73403010 2	7340301_2: Kế toán công	50	A00, A01, D01, D07, D09	81.00
45	73403010 3	7340301_3: Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ICAEW	50	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
46	73403010 4	7340301_4: Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ACCA	50	A00, A01, D01, D07, D09	80.00
47	73403020 1	7340302_1: Kiểm toán	120	A00, A01, D01, D07, D09	91.10
48	73403021 F	73403021F: Kiểm toán - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, D09	85.00
49	7340403	7340403: Quản lý công	70	A00, A01, D01, D07, D09	76.00
50	7340404	7340404: Quản trị nhân lực	150	A00, A01, D01, D07, D09	83.30
51	7340405	7340405: Hệ thống thông tin quản lý	110	A00, A01, D01, D07, D09	86.80
52	73801010 1	7380101_1: Luật kinh doanh quốc tế	70	A00, A01, D01, D09, X25	82.50
53	73801010 2	7380101_2: Luật	40	A00, A01, D01, D09, X25	76.00
54	7380107	7380107: Luật kinh tế	80	A00, A01, D01, D09, X25	82.50
55	7380109	7380109: Luật thương mại quốc tế	40	A00, A01, D01, D09, X25	80.00
56	74601080 1	7460108_1: Khoa học dữ liệu	55	A00, A01, D01, D07, X26	88.10
57	74601080 2	7460108_2: Phân tích dữ liệu	40	A00, A01, D01, D07, X26	91.50

58	7480101	7480101: Khoa học máy tính	50	A00, A01, D01, D07, X26	79.40
59	7480103	7480103: Kỹ thuật phần mềm	55	A00, A01, D01, D07, X26	76.60
60	748010701	7480107_1: Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	30	A00, A01, D01, D07, X26	75.00
61	74801071D	74801071D: Robot và Trí tuệ nhân tạo song bằng UEH - Đại học Kwangwoon, Hàn Quốc (hệ kỹ sư)	60	A00, A01, D01, D07, X26	70.00
62	748010702	7480107_2: Điều khiển thông minh và tự động hóa (hệ kỹ sư)	40	A00, A01, D01, D07, X26	77.00
63	74801072D	74801072D: Điều khiển thông minh và tự động hóa song bằng UEH - Đại học Kwangwoon, Hàn Quốc (hệ kỹ sư)	30	A00, A01, D01, D07, X26	70.00
64	748020101	7480201_1: Công nghệ thông tin	50	A00, A01, D01, D07, X26	78.50
65	748020102	7480201_2: Công nghệ nghệ thuật	70	A00, A01, D01, D07, X26	84.50
66	748020103	7480201_3: Công nghệ và đổi mới sáng tạo	100	A00, A01, D01, D07, X26	78.50
67	7480202	7480202: An toàn thông tin	50	A00, A01, D01, D07, X26	77.00
68	7510201	7510201: Sản xuất thông minh (hệ kỹ sư)	40	A00, A01, D01, D07, X26	70.00

69	751060501	7510605_1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	40	A00, A01, D01, D07, X26	97.00
70	75106051F	75106051F: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, X26	94.00
71	751060502	7510605_2: Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	60	A00, A01, D01, D07, X26	87.00
72	75106052F	75106052F: Công nghệ Logistics tích hợp chứng chỉ quốc tế FIATA - Tiếng Anh toàn phần (hệ kỹ sư)	30	A00, A01, D01, D07, X26	88.00
73	7580104SD	7580104SD: Cử nhân Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh song bằng UEH - Đại học Auckland, New Zealand	80	A00, A01, D01, D09, V00	70.00
74	758010402	7580104_2: Kiến trúc và Thiết kế đô thị thông minh (hệ Kiến trúc sư)	40	A00, A01, D01, D09, V00	70.00
75	7620114	7620114: Kinh doanh nông nghiệp	50	A00, A01, D01, D07, D09	78.30
76	7810103	7810103: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	165	A00, A01, D01, D07, D09	75.30
77	781020101	7810201_1: Quản trị khách sạn	85	A00, A01, D01, D07, D09	78.50
78	781020102	7810201_2: Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	80	A00, A01, D01, D07, D09	85.70

79	7840104	7840104: Quản trị vận hành và di chuyển thông minh	40	A00, A01, D01, D07, D09	76.50
80	ASACoop 01	ASACoop_1: Chương trình Cử nhân ASIA Co-op	80	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
81	ISBCNTN 01	ISBCNTN_1: Chương trình Cử nhân tài năng ISB - Kinh doanh	500	A00, A01, D01, D07, D09	84.10
82	ISBCNTN 02	ISBCNTN_2: Chương trình Cử nhân tài năng ISB - Công nghệ	50	A00, A01, D01, D07, X26	79.00
		TỔNG:	8240		

Thí sinh có thể sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ khác tiếng Anh để xét tuyển (ngoại trừ chương trình Tiếng Anh thương mại), bao gồm: Tiếng Hàn, Tiếng Đức, Tiếng Nga, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.

2. KSV:

STT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển
1	7220201	Tiếng Anh thương mại	30	D01,D09, D14	60
2	7340101	Quản trị kinh doanh	40	A00,A01,D01,D07, D09	60
3	7340115	Marketing	70	A00,A01,D01,D07, D09	60
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	60	A00,A01,D01,D07, D09	60
5	7340122	Thương mại điện tử	60	A00,A01,D01,D07, D09	60
6	73402010 1	Ngân hàng	40	A00,A01,D01,D07, D09	60
7	73402010 2	Tài chính	50	A00,A01,D01,D07, D09	60
8	73402010	Thuế	30	A00,A01,D01,D07, D09	60

	3			D09	
9	7340301	Kế toán doanh nghiệp	50	A00,A01,D01,D07, D09	60
10	7380107	Luật kinh tế	40	A00,A01,D01,D09	60
11	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	30	A00,A01,D01,D07	60
12	7480201	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	30	A00,A01,D01,D07	60
13	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	60	A00,A01,D01,D07	67
14	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	30	A00,A01,D01,D07, D09	60
15	7810201	Quản trị khách sạn	30	A00,A01,D01,D07, D09	60
		Tổng	650		

Thí sinh có thể sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ khác tiếng Anh để xét tuyển (ngoại trừ chương trình Tiếng Anh thương mại), bao gồm: Tiếng Hàn, Tiếng Đức, Tiếng Nga, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.

Ho Chi Minh City, August 9, 2026

PRESS RELEASE

UEH ANNOUNCES ADMISSION RESULTS FOR THE 52ND INTAKE – FULL-TIME UNDERGRADUATE PROGRAMS FOR 2026: EXPANDING OPPORTUNITIES FOR INTERNATIONAL EDUCATION

Ho Chi Minh City, August 9, 2026 – The University of Economics Ho Chi Minh City (UEH) officially announces the admission results for the 52nd Intake – full-time undergraduate programs for 2026 at Ho Chi Minh City and UEH Mekong - Vinh Long. This is the first year UEH has implemented an Integrated Admission Method on a 100-point scale, while also conducting separate admissions from the outset for its full English-taught and international dual-degree programs, thereby expanding opportunities for learners to access an internationally standardized educational environment.

For 2026, UEH admits a total of 8,890 quotas, comprising 8,240 quotas for 82 training programs at Ho Chi Minh City, training institution code KSA; and 650 quotas for 15 training programs at UEH Mekong - Vinh Long, training institution code KSV). Students enrolled at UEH Mekong will rotate to study their final year in Ho Chi Minh City.

Admission scores for the 52nd Intake established on a 100-point scale

According to the results announced by the UEH Admission Council, the cut-off scores for training programs at Ho Chi Minh City range from **70,00 to 97,00 points**; and from **60,00 to 67,00 points** at UEH Mekong - Vinh Long, on a 100-point scale.

The 2026 admission scores are determined on a 100-point scale. UEH converts scores from various exams to a unified scale, ensuring the principle of equivalence among exams in accordance with the uniform guidelines of the Ministry of Education and Training.

See the detailed score table at [LINK](#) or in the appendix.

Candidates can check their admission results from 2:00 PM on August 10, 2026, at: [LINK](#)

Separate admissions for full English-taught and International dual-degree programs

One of the standout new features of UEH's 2026 admissions is the implementation of separate admissions from the outset for full English-taught and international dual-degree programs. Instead of selecting a training format after being admitted, candidates can now directly register for a program that matches their language proficiency and career orientation, while also gaining additional opportunities to access an internationally standardized learning environment right from enrollment.

For 2026, UEH admits students to 12 programs taught entirely in English, including: [Management](#), [Marketing](#), [International Business](#), [Commercial Business](#), [Logistics and Supply Chain Management](#), [Banking](#), [Finance](#), [Financial Investment](#), [International Finance](#), [Corporate Accounting](#), [Auditing](#), [Logistics Technology integrated with the FIATA certification \(engineering level\)](#). These programs apply separate English entrance requirements, aiming to develop professional competence, global thinking, and the ability to work in an international environment.

In addition, UEH offers 06 international dual-degree programs with partner universities, including: [Digital Communication and Multimedia Design UEH – University of Saint Joseph, Macao](#); [Sustainable Business and Environmental Management UEH – Koblenz University of Applied Sciences \(Hochschule Koblenz\), Đức](#); [International Human Resource Development Program – Bachelor of Finance and Banking UEH – Rennes University, France](#); [Robotics and Artificial Intelligence UEH – Kwangwoon University, South Korea \(engineering level\)](#); [Intelligent Control and Automation UEH – Kwangwoon University, South Korea \(engineering level\)](#); [Bachelor of Architecture and Smart Urban Design UEH – University of Auckland, New Zealand](#). Upon completion of the UEH phase, admitted students who meet the requirements may opt to transfer to the partner university to pursue a second degree.

This internationalization orientation is yielding positive results. According to the 2025 graduate employment survey, 30% of UEH graduates work at foreign-invested enterprises. Meanwhile, students enrolled in full English-taught programs and international joint programs are highly rated by employers for their professional demeanor, communication skills, and adaptability in global working environments.

New programs in applied technology and sustainable development

In addition to its core strengths developed over nearly 50 years, UEH introduces 09 new training programs for 2026, oriented toward technology, smart cities, international integration, and sustainable development, including: [International Political Economy](#); [Logistics Technology with international FIATA certification \(engineering level\)](#); [Architecture and Smart Urban Design \(Architect\)](#); [Law](#); [International Trade Law](#); [Intelligent Manufacturing \(engineering level\)](#); [Smart Mobility and Operations Management](#); [Talent Bachelor's – Technology \(AI for Business\)](#) and [Talent Engineer in Smart Logistics](#). The curriculum integrates technology application with practical development challenges, helping learners develop interdisciplinary competencies and prepare to engage in the innovation process in the context of the digital economy.

Opportunities to join UEH through supplementary admissions at UEH Mekong

For UEH Mekong (Admission code: KSV, located in Vinh Long), the university plans to continue supplementary admissions for 300 quotas across 14 training programs, including: [Agribusiness](#), [Technology and Innovation](#), [Robotics and Artificial Intelligence \(engineering level\)](#) (with partial English program), [Finance](#) (with partial English program); [Banking](#); [Marketing](#) (with partial English program); [Management](#); [International Business](#) (with partial English program); [Thuế, Tiếng Anh thương mại](#), [Quản trị khách sạn](#), [Luật kinh tế](#), [Kế toán doanh nghiệp](#); [Thương mại điện tử](#) (with partial English program) với mức điểm đủ điều kiện nhận hồ sơ dự kiến từ 60 điểm (thang điểm 100) trở lên. Thời gian nhận hồ sơ: từ 22/8/2026 đến 17g00 ngày 22/9/2026. Thí sinh xem thông báo xét tuyển bổ sung (mã KSV) tại link: tuyensinh.ueh.edu.vn

Thực hiện xác nhận nhập học và thủ tục nhập học trực tuyến

Thí sinh trúng tuyển bắt buộc xác nhận nhập học trực tuyến trên [Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo](#) trước **17h00 ngày 21/8/2026**.

Sau khi hoàn thành xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh thực hiện thủ tục nhập học trực tuyến trên [Cổng nhập học UEH](#), từ **09h00 ngày 14/8 đến 17h00 ngày 21/8**.

Thí sinh cần theo dõi và thực hiện đầy đủ các bước:

1. Tra cứu kết quả trúng tuyển;
2. Xác nhận nhập học trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
3. Tham gia tư vấn nhập học
4. Kê khai và nộp hồ sơ nhập học trực tuyến tại UEH;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo hướng dẫn;
6. Tham gia chương trình định hướng đầu khóa, Campus Tour và các hoạt động chào đón tân sinh viên;
7. Bắt đầu học tập chính thức từ ngày 07/9/2026.

Năm 2026 là dấu mốc đặc biệt khi UEH kỷ niệm **50 năm hình thành và phát triển (27/10/1976 – 27/10/2026)**. Từ một trường đại học chuyên ngành kinh tế, UEH đã phát triển thành đại học đa ngành, đa lĩnh vực với vị thế học thuật ngày càng được khẳng định trên bản đồ giáo dục khu vực và thế giới: Top 15 đại học khu vực Đông Nam Á, Top 250 đại học tốt nhất châu Á, Top 501–600 đại học thế giới theo Times Higher Education; Top 301+ châu Á theo QS Asia; đồng thời nằm trong Top 101–200 đại học thế giới về đóng góp cho 17 Mục tiêu Phát triển bền vững theo THE Sustainability Impact Rankings... UEH cũng là một trong những cơ sở giáo dục đại học được Chính phủ lựa chọn phát triển theo định hướng trình độ tiên tiến, thuộc nhóm đại học hàng đầu châu Á.

Tiếp nối hành trình đó, UEH chào đón thế hệ sinh viên Khóa 52 bằng một hệ sinh thái đào tạo hiện đại, quốc tế và gắn kết thực tiễn. Với thông điệp **“I am who I choose to be”**, UEH cam kết đồng hành để mỗi người học phát huy tiềm năng, kiến tạo giá trị cho bản thân và sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước và cộng đồng toàn cầu.

CÁC MỐC THỜI GIAN QUAN TRỌNG:

- Từ 14h00 ngày 10/8/2026: Tra cứu kết quả trúng tuyển
- Ngày 13, 14/8/2026: Tư vấn trực tuyến UEH Virtual Open Day đợt 3 về việc chuẩn bị hồ sơ nhập học, các chương trình học, học phí, học bổng,...
- Từ 09h00 ngày 14/8 đến 17h00 ngày 21/8/2026: Kê khai hồ sơ nhập học trực tuyến

- Từ ngày 22/8/2026: Sinh hoạt định hướng đầu khóa
- Ngày 05/9/2026: Thông báo thời khoá biểu đến sinh viên
- Từ ngày 04 - 08/9/2026: Chương trình UEH Campus Tour
- Từ ngày 05 - 15/9/2026: Khoa/Viện chào đón tân sinh viên
- Từ ngày 07/9/2026: Sinh viên học chính thức
- Ngày 12/9/2026: Lễ khai giảng

Thông tin liên hệ:

Ban Truyền thông và Phát triển đối tác

Ms. Thanh Kiều - 0365410832 - kieuitt@ueh.edu.vn

PHỤ LỤC

Điều kiện và điểm trúng tuyển các Phương thức xét tuyển

Khóa 52 - Đại học, hình thức đào tạo chính quy, năm 2026

của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

(Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: KSA và KSV)

I. Phương thức 1: Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT

- Thí sinh trúng tuyển khi thỏa đầy đủ các điều kiện sau:

+ Có kết quả xét tuyển là: “Đủ điều kiện trúng tuyển”.

+ Tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.

+ Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia cần đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo (UEH công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ngày 09/7/2026).

+ Thí sinh được UEH thông báo “Đủ điều kiện trúng tuyển” thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT từ ngày 02/7/2026 đến 17g00 ngày 14/7/2026.

I. Phương thức 2: Phương thức xét tuyển tích hợp.

1. KSA:

STT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển
1	7220201	7220201: Tiếng Anh thương mại	150	D01, D09, D14	83.40

2	7310101	7310101: Kinh tế	110	A00, A01, D01, D07, D09	85.20
3	73101020 1	7310102_1: Kinh tế chính trị	40	A00, A01, D01, D07, D09	77.50
4	73101020 2	7310102_2: Kinh tế chính trị quốc tế	40	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
5	73101040 1	7310104_1: Kinh tế đầu tư	200	A00, A01, D01, D07, D09	80.50
6	73101040 2	7310104_2: Thẩm định giá và Quản trị tài sản	100	A00, A01, D01, D07, D09	76.10
7	7310107	7310107: Thống kê kinh doanh	50	A00, A01, D01, D07, D09	83.00
8	73101080 1	7310108_1: Toán tài chính	50	A00, A01, D01, D07, D09	82.20
9	73101080 2	7310108_2: Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	50	A00, A01, D01, D07, D09	79.50
10	73201060 1	7320106_1: Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	60	A00, A01, D01, D07, D09, V00	90.20
11	73201061 D	73201061D: Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện song bằng UEH - Đại học Saint Joseph, Macao	40	A00, A01, D01, D07, D09, V00	70.00
12	73401010 1	7340101_1: Quản trị kinh doanh	750	A00, A01, D01, D07, D09	79.40
13	73401011 F	73401011F: Quản trị - Tiếng Anh toàn phần	100	A00, A01, D01, D07, D09	71.00
14	73401010 2	7340101_2: Kinh doanh số	70	A00, A01, D01, D07, D09	87.00
15	73401010 3	7340101_3: Quản trị bệnh viện	100	A00, A01, D01, D07, D09	71.90

16	734010104	7340101_4: Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	50	A00, A01, D01, D07, D09	80.70
17	73401014D	73401014D: Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường song bằng UEH - Koblenz University of Applied Sciences (Hochschule Koblenz), Đức	30	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
18	734011501	7340115_1: Marketing	100	A00, A01, D01, D07, D09	90.20
19	73401151F	73401151F: Marketing - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, D09	86.30
20	734011502	7340115_2: Công nghệ Marketing	70	A00, A01, D01, D07, D09	90.20
21	7340116	7340116: Bất động sản	110	A00, A01, D01, D07, D09	72.50
22	734012001	7340120_1: Kinh doanh quốc tế	320	A00, A01, D01, D07, D09	92.50
23	73401201F	73401201F: Kinh doanh quốc tế - Tiếng Anh toàn phần	250	A00, A01, D01, D07, D09	89.30
24	734012101	7340121_1: Kinh doanh thương mại	170	A00, A01, D01, D07, D09	88.50
25	73401211F	73401211F: Kinh doanh thương mại - Tiếng Anh toàn phần	40	A00, A01, D01, D07, D09	86.00
26	7340122	7340122: Thương mại điện tử	140	A00, A01, D01, D07, D09	89.20
27	73402010	7340201_1: Tài	50	A00, A01, D01,	79.00

	1	chính công		D07, D09	
28	73402010 2	7340201_2: Thuế	100	A00, A01, D01, D07, D09	78.70
29	73402010 3	7340201_3: Ngân hàng	220	A00, A01, D01, D07, D09	80.80
30	73402013 F	73402013F: Ngân hàng - Tiếng Anh toàn phần	30	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
31	73402010 4	7340201_4: Thị trường chứng khoán	100	A00, A01, D01, D07, D09	77.00
32	73402010 5	7340201_5: Tài chính	380	A00, A01, D01, D07, D09	85.20
33	73402015 F	73402015F: Tài chính - Tiếng Anh toàn phần	90	A00, A01, D01, D07, D09	82.20
34	73402010 6	7340201_6: Đầu tư tài chính	40	A00, A01, D01, D07, D09	83.80
35	73402016 F	73402016F: Đầu tư tài chính - Tiếng Anh toàn phần	30	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
36	73402010 7	7340201_7: Quản trị Hải quan - Ngoại thương	100	A00, A01, D01, D07, D09	86.50
37	73402010 D	7340201D: Chương trình đào tạo nguồn nhân lực quốc tế cử nhân Tài chính - Ngân hàng song bằng UEH - Đại học Rennes, Pháp	40	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
38	7340204	7340204: Bảo hiểm	50	A00, A01, D01, D07, D09	75.30
39	7340205	7340205: Công nghệ tài chính	70	A00, A01, D01, D07, D09	88.70
40	73402060 1	7340206_1: Tài chính quốc tế	40	A00, A01, D01, D07, D09	92.50

41	73402061 F	73402061F: Tài chính quốc tế - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, D09	88.30
42	73403010 1	7340301_1: Kế toán doanh nghiệp	510	A00, A01, D01, D07, D09	79.10
43	73403011 F	73403011F: Kế toán doanh nghiệp - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
44	73403010 2	7340301_2: Kế toán công	50	A00, A01, D01, D07, D09	81.00
45	73403010 3	7340301_3: Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ICAEW	50	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
46	73403010 4	7340301_4: Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ACCA	50	A00, A01, D01, D07, D09	80.00
47	73403020 1	7340302_1: Kiểm toán	120	A00, A01, D01, D07, D09	91.10
48	73403021 F	73403021F: Kiểm toán - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, D09	85.00
49	7340403	7340403: Quản lý công	70	A00, A01, D01, D07, D09	76.00
50	7340404	7340404: Quản trị nhân lực	150	A00, A01, D01, D07, D09	83.30
51	7340405	7340405: Hệ thống thông tin quản lý	110	A00, A01, D01, D07, D09	86.80
52	73801010 1	7380101_1: Luật kinh doanh quốc tế	70	A00, A01, D01, D09, X25	82.50
53	73801010 2	7380101_2: Luật	40	A00, A01, D01, D09, X25	76.00

54	7380107	7380107: Luật kinh tế	80	A00, A01, D01, D09, X25	82.50
55	7380109	7380109: Luật thương mại quốc tế	40	A00, A01, D01, D09, X25	80.00
56	746010801	7460108_1: Khoa học dữ liệu	55	A00, A01, D01, D07, X26	88.10
57	746010802	7460108_2: Phân tích dữ liệu	40	A00, A01, D01, D07, X26	91.50
58	7480101	7480101: Khoa học máy tính	50	A00, A01, D01, D07, X26	79.40
59	7480103	7480103: Kỹ thuật phần mềm	55	A00, A01, D01, D07, X26	76.60
60	748010701	7480107_1: Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	30	A00, A01, D01, D07, X26	75.00
61	74801071D	74801071D: Robot và Trí tuệ nhân tạo song bằng UEH - Đại học Kwangwoon, Hàn Quốc (hệ kỹ sư)	60	A00, A01, D01, D07, X26	70.00
62	748010702	7480107_2: Điều khiển thông minh và tự động hóa (hệ kỹ sư)	40	A00, A01, D01, D07, X26	77.00
63	74801072D	74801072D: Điều khiển thông minh và tự động hóa song bằng UEH - Đại học Kwangwoon, Hàn Quốc (hệ kỹ sư)	30	A00, A01, D01, D07, X26	70.00
64	748020101	7480201_1: Công nghệ thông tin	50	A00, A01, D01, D07, X26	78.50
65	748020102	7480201_2: Công nghệ nghệ thuật	70	A00, A01, D01, D07, X26	84.50

66	748020103	7480201_3: Công nghệ và đổi mới sáng tạo	100	A00, A01, D01, D07, X26	78.50
67	7480202	7480202: An toàn thông tin	50	A00, A01, D01, D07, X26	77.00
68	7510201	7510201: Sản xuất thông minh (hệ kỹ sư)	40	A00, A01, D01, D07, X26	70.00
69	751060501	7510605_1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	40	A00, A01, D01, D07, X26	97.00
70	75106051F	75106051F: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Tiếng Anh toàn phần	80	A00, A01, D01, D07, X26	94.00
71	751060502	7510605_2: Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	60	A00, A01, D01, D07, X26	87.00
72	75106052F	75106052F: Công nghệ Logistics tích hợp chứng chỉ quốc tế FIATA - Tiếng Anh toàn phần (hệ kỹ sư)	30	A00, A01, D01, D07, X26	88.00
73	7580104SD	7580104SD: Cử nhân Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh song bằng UEH - Đại học Auckland, New Zealand	80	A00, A01, D01, D09, V00	70.00
74	758010402	7580104_2: Kiến trúc và Thiết kế đô thị thông minh (hệ Kiến trúc sư)	40	A00, A01, D01, D09, V00	70.00
75	7620114	7620114: Kinh doanh nông nghiệp	50	A00, A01, D01, D07, D09	78.30

76	7810103	7810103: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	165	A00, A01, D01, D07, D09	75.30
77	781020101	7810201_1: Quản trị khách sạn	85	A00, A01, D01, D07, D09	78.50
78	781020102	7810201_2: Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	80	A00, A01, D01, D07, D09	85.70
79	7840104	7840104: Quản trị vận hành và di chuyển thông minh	40	A00, A01, D01, D07, D09	76.50
80	ASACoop 01	ASACoop_1: Chương trình Cử nhân ASIA Co-op	80	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
81	ISBCNTN 01	ISBCNTN_1: Chương trình Cử nhân tài năng ISB - Kinh doanh	500	A00, A01, D01, D07, D09	84.10
82	ISBCNTN 02	ISBCNTN_2: Chương trình Cử nhân tài năng ISB - Công nghệ	50	A00, A01, D01, D07, X26	79.00
		TỔNG:	8240		

Thí sinh có thể sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ khác tiếng Anh để xét tuyển (ngoại trừ chương trình Tiếng Anh thương mại), bao gồm: Tiếng Hàn, Tiếng Đức, Tiếng Nga, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.

2. KSV:

STT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển
1	7220201	Tiếng Anh thương mại	30	D01,D09, D14	60
2	7340101	Quản trị kinh doanh	40	A00,A01,D01,D07, D09	60
3	7340115	Marketing	70	A00,A01,D01,D07, D09	60
4	7340120	Kinh doanh quốc	60	A00,A01,D01,D07,	60

		tế		D09	
5	7340122	Thương mại điện tử	60	A00,A01,D01,D07, D09	60
6	73402010 1	Ngân hàng	40	A00,A01,D01,D07, D09	60
7	73402010 2	Tài chính	50	A00,A01,D01,D07, D09	60
8	73402010 3	Thuế	30	A00,A01,D01,D07, D09	60
9	7340301	Kế toán doanh nghiệp	50	A00,A01,D01,D07, D09	60
10	7380107	Luật kinh tế	40	A00,A01,D01,D09	60
11	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	30	A00,A01,D01,D07	60
12	7480201	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	30	A00,A01,D01,D07	60
13	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	60	A00,A01,D01,D07	67
14	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	30	A00,A01,D01,D07, D09	60
15	7810201	Quản trị khách sạn	30	A00,A01,D01,D07, D09	60
		Tổng	650		

Thí sinh có thể sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ khác tiếng Anh để xét tuyển (ngoại trừ chương trình Tiếng Anh thương mại), bao gồm: Tiếng Hàn, Tiếng Đức, Tiếng Nga, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.